

Số: 651 /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 04 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành
Dự án Cầu An Phú qua sông Phú Thọ, thành phố Quảng Ngãi**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công và Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống biểu mẫu sử dụng trong công tác quyết toán;

Căn cứ Quyết định số 1192/QĐ-UBND ngày 26/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Cầu An Phú qua sông Phú Thọ, thành phố Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình Cầu An Phú qua sông Phú Thọ, thành phố Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 2262/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình: Cầu An Phú qua sông Phú Thọ, thành phố Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của UBND thành phố Quảng Ngãi tại Tờ trình số 06/TTr-UBND ngày 09/01/2024 về việc thẩm tra và phê duyệt quyết toán hoàn thành dự án Cầu An Phú qua sông Phú Thọ, thành phố Quảng Ngãi; trên cơ sở kết quả thẩm tra tại Báo cáo số 72/BC - STC ngày 29/5/2024 của Sở Tài chính Quảng Ngãi.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành

- Tên dự án: Cầu An Phú qua sông Phú Thọ, thành phố Quảng Ngãi.
- Chủ đầu tư: UBND thành phố Quảng Ngãi.
- Địa điểm xây dựng: xã Nghĩa An và Nghĩa Phú, thành phố Quảng Ngãi.

- Thời gian khởi công, hoàn thành (thực tế): Bắt đầu tháng 02/2018, hoàn thành tháng 7/2022.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán	Giá trị quyết toán được phê duyệt
	Tổng số	169.000.000.000	141.451.223.064
1	Chi phí bồi thường, GPMB và tái định cư	6.261.774.000	5.009.657.113
2	Chi phí xây dựng (bao gồm hạng mục chung)	128.956.303.512	126.667.927.000
3	Chi phí quản lý dự án	1.967.849.000	1.946.939.000
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	7.848.698.000	6.420.586.000
5	Chi phí khác (không bao gồm hạng mục chung)	2.662.664.488	1.406.113.951
6	Chi phí dự phòng	21.302.711.000	0

(Chi tiết theo Phụ lục I đính kèm)

2. Vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được phê duyệt	Thực hiện			
			Giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn phải thu hồi nộp NSNN	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán được phê duyệt
1	2	3	4	5	6	7=4-5+6
1	Ngân sách tỉnh và ngân sách thành phố	169.000.000.000	141.451.223.064	139.803.805.113	0	1.647.417.951

3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)
Tổng số	141.451.223.064		0	
1. Tài sản dài hạn (tài sản cố định)	141.451.223.064		0	
2. Tài sản ngắn hạn	0		0	

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: 0 đồng.

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: Không có.

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

a) Được phép tất toán chi phí và vốn đầu tư là:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1	Ngân sách tỉnh và ngân sách thành phố	141.451.223.064	

b) Các khoản công nợ tính đến thời điểm thẩm tra:

- Tổng nợ phải thu: 0 đồng.

- Tổng nợ phải trả: 1.647.417.951 đồng.

(Chi tiết các khoản công nợ theo Phụ lục II đính kèm)

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản:

- Được phép ghi tăng tài sản: 141.451.223.064 đồng.

- Đơn vị tiếp nhận tài sản: UBND thành phố Quảng Ngãi.

3. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan:

a) UBND thành phố Quảng Ngãi (chủ đầu tư) có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện các nội dung theo Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán công trình hoàn thành số 72/BC-STC ngày 29/5/2024 của Sở Tài chính và nội dung quyết toán chi phí hoàn thành được phê duyệt tại Quyết định này.

b) Sở Tài chính, UBND thành phố Quảng Ngãi và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm về tính chuẩn xác (số liệu) và pháp lý nội dung trình phê duyệt quyết toán này trước Chủ tịch UBND tỉnh và pháp luật.

c) Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh bố trí vốn trả nợ quyết toán dự án hoàn thành theo quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Giao thông vận tải; Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND thành phố Quảng Ngãi và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, KTTH;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.324



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Phước Hiền

**BẢNG TÓNG HỢP CHI PHÍ ĐẦU TƯ ĐƯỢC QUYẾT TOÁN
CẦU AN PHÚ QUẬN SÔNG PHÚ THỊ HÒ, THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI**

(Kèm theo Quyết định số **651/QĐ-UBND** ngày **04/6/2024** của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

STT	CƠ CẤU	Giá trị dự toán được duyệt/hợp đồng	Giá trị Chủ đầu tư đề nghị	Giá trị quyết toán	Tăng (+), giảm (-) so với dự toán	Tăng (+), giảm (-) so với số đơn vị
I	Bồi thường, GPMB và tái định cư	6.261.774.000	5.009.657.113	5.009.657.113	-1.252.116.887	0
II	Chi phí xây dựng	128.956.303.512	126.667.927.000	126.667.927.000	-2.288.376.512	0
III	Chi phí quản lý dự án	1.967.849.000	1.963.225.000	1.946.939.000	-20.910.000	-16.286.000
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	7.848.698.000	6.420.586.000	6.420.586.000	-1.428.112.320	0
1	Chi nhiệm vụ Khảo sát và lập báo cáo nghiên cứu đầu tư	10.000.000	4.407.000	4.407.000	-5.593.000	0
2	Chi phí thẩm tra nhiệm vụ khảo sát và lập báo cáo nghiên cứu đầu tư	4.000.000	0	0	-4.000.000	0
3	Chi phí khảo sát lập báo cáo nghiên cứu khả thi	146.900.440	0	0	-146.900.440	0
4	Chi phí giám sát khảo sát bước lập dự án đầu tư xây dựng công trình	5.981.786	0	0	-5.981.786	0
5	Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi	488.963.065	430.980.000	430.980.000	-57.983.065	0
6	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát, thiết kế BVTC, TDT và dự toán gói thầu tư vấn	15.000.000	15.000.000	15.000.000	0	0
7	Thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	5.000.000	0	0	-5.000.000	0
8	Chi phí lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu tư vấn bước TKBVTC và tổng dự toán	8.205.840	8.205.600	8.205.600	-240	0

STT	CƠ CẤU	Giá trị dự toán được duyệt/hợp đồng	Giá trị Chủ đầu tư đề nghị	Giá trị quyết toán	Tăng (+), giảm (-) so với dự toán	Tăng (+), giảm (-) so với số đơn vị
9	Chi phí khảo sát bước lập BVTC (khảo sát địa hình, thủy văn, địa chất)	1.526.715.000	1.006.640.357	1.006.640.357	-520.074.643	0
10	Chi phí thiết kế bước lập BVTC	1.416.725.204	1.307.716.513	1.307.716.513	-109.008.691	0
11	Chi phí giám sát khảo sát bước BVTC	61.381.626	0	0	-61.381.626	0
12	Chi phí thẩm tra dự toán, tổng dự toán và thẩm tra thiết kế BVTC	224.163.279	213.690.000	213.690.000	-10.473.279	0
13	Chi phí lập HSMT các gói thầu xây lắp	55.546.146	55.286.400	55.286.400	-259.746	0
14	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu tư vấn giám sát thi công, kiểm định chất lượng công trình, bảo hiểm công trình và kiểm toán	7.742.793	0	0	-7.742.793	0
15	Chi phí giám sát thi công XD	2.113.663.011	2.087.411.000	2.087.411.000	-26.252.011	0
16	Chi phí kiểm định chất lượng công trình	498.589.000	442.600.000	442.600.000	-55.989.000	0
17	Chi phí đo vẽ bản đồ địa chính, cắm mốc lộ giới tỷ lệ 1/1000	100.000.000	25.000.000	25.000.000	-75.000.000	0
18	Chi phí thẩm định giá	50.000.000	47.012.000	47.012.000	-2.988.000	0
19	Chi phí lập, thẩm tra, thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.	75.000.000	7.946.000	7.946.000	-67.054.000	0
20	Chi phí thí nghiệm cọc khoan nhồi	1.035.121.000	768.691.000	768.691.000	-266.430.000	0
V	Chi phí khác	2.662.664.488	1.406.113.951	1.406.113.951	-1.256.550.089	0
1	Lệ phí thẩm định dự án .	18.209.750	18.209.000	18.209.000	-750	0
2	Chí thẩm định TKBVTC hạng mục CTGT	1.607.424	3.555.951	3.555.951	1.948.527	0
3	Chi phí thẩm định dự toán hạng mục CTGT	1.556.395	0	0	-1.556.395	0
4	Chí phí đánh giá HSDT gói thầu tư TKBVTC và tổng dự toán	2.665.135	2.665.000	2.665.000	-135	0

STT	CƠ CẤU	Giá trị dự toán được duyệt/hợp đồng	Giá trị Chủ đầu tư đề nghị	Giá trị quyết toán	Tăng (+), giảm (-) so với dự toán	Tăng (+), giảm (-) so với số đơn vị
5	Chi phí đánh giá HSDT các gói thầu xây lắp	50.000.000	50.000.000	50.000.000	0	0
6	Chi phí thẩm định HSMT gói thầu tư vấn bước TKBVTC và tổng dự toán	1.332.568	1.332.000	1.332.000	-568	0
7	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu tư vấn KS, lập TKBVTC và tổng dự toán	1.332.568	1.332.000	1.332.000	-568	0
8	Chi phí thẩm định HSMT các gói thầu xây lắp	50.000.000	50.000.000	50.000.000	0	0
9	Chi phí thẩm định KQ đấu thầu các gói thầu xây lắp	50.000.000	50.000.000	50.000.000	0	0
10	Chi phí thẩm định HSMT các gói thầu tư vấn giám sát thi công, kiểm định chất lượng công trình, bảo hiểm công trình và kiểm toán	1.935.698	1.332.000	1.332.000	-603.698	0
11	Chi phí thẩm định kết quả đấu thầu các gói thầu tư vấn giám sát thi công, kiểm định chất lượng công trình, bảo hiểm công trình và kiểm toán	1.935.698	1.935.000	1.935.000	-698	0
12	Chi phí bảo hiểm công trình	769.573.174	740.796.000	740.796.000	-28.777.174	0
13	Chi phí Tư vấn kiểm toán dự án	739.547.380	0	0	-739.547.380	0
14	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	232.079.250	232.079.000	232.079.000	-250	0
15	Chi phí rà phá bom mìn, vật nổ	190.889.000	188.999.000	188.999.000	-1.890.000	0
16	Chi phí liên quan đến bãi đúc dầm và sửa chữa hạ tầng kỹ thuật bãi đúc dầm	400.000.000	0	0	-400.000.000	0
17	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu	150.000.000	63.879.000	63.879.000	-86.121.000	0
VI	Dự phòng	21.302.711.000	0	0	-21.302.711.000	0
VII	Tổng cộng	169.000.000.000	141.467.509.064	141.451.223.064	-27.548.776.808	-16.286.000



PHỤ LỤC SỐ II
BẢNG CÔNG NỢ
CẦU AN PHỦ QUẢNG NGÃI
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
(Kèm theo Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 04/6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

STT	Đơn vị	Nội dung	Giá trị quyết toán	Số vốn đã thanh toán			Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
				Số vốn đã giải ngân	Thu hồi nộp ngân sách	Tổng cộng	Phải thu (-)	Phải trả (+)
1	Chi phí bồi thường trực tiếp	Bồi thường, GPMB và tái định cư	5.002.538.113	4.761.915.113	0	4.761.915.113	0	240.623.000
			4.852.349.113	4.761.915.113	0	4.761.915.113	0	90.434.000
1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất thành phố Quảng Ngãi	Thực hiện chi trả cho đối tượng thụ hưởng theo các Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của UBND thành phố	4.852.349.113	4.761.915.113	0	4.761.915.113	0	90.434.000
	Chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư		150.189.000	0	0	0	0	150.189.000
1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất thành phố Quảng Ngãi	Chi phí cho tổ chức làm công tác bồi thường	123.167.000	0	0	0	0	123.167.000
2	UBND thành phố		3.001.000	0	0	0	0	3.001.000
3	Phòng Tài nguyên - Môi trường thành phố	Chi phí cho các tổ chức có liên quan đến công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng	7.504.000	0	0	0	0	7.504.000
4	Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh thành phố		1.499.000	0	0	0	0	1.499.000
5	UBND xã Nghĩa An, Nghĩa Phú		15.018.000	0	0	0	0	15.018.000

STT	Đơn vị	Nội dung	Giá trị quyết toán	Số vốn đã thanh toán				Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
				Số vốn đã giải ngân	Thu hồi nộp ngân sách	Tổng cộng	Phải thu (-)	Phải trả (+)	
II		Chi phí xây dựng	126.667.927.000	126.070.693.000	0	126.070.693.000	0	597.234.000	
	Công ty TNHH Xây dựng Đồng Khánh	Xây lắp toàn bộ công trình	89.335.885.000	88.944.144.000	0	88.944.144.000	0	391.741.000	
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng 179	Xây lắp toàn bộ công trình	37.332.042.000	37.126.549.000	0	37.126.549.000	0	205.493.000	
III		Chi phí Quản lý dự án	1.946.939.000	1.750.000.000	0	1.750.000.000	0	196.939.000	
	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất thành phố Quảng Ngãi	Quản lý dự án	1.946.939.000	1.750.000.000	0	1.750.000.000	0	196.939.000	
IV		Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	6.420.586.130	6.170.529.000	-	3.915.034.000	0	250.057.000	
	Công ty CP Tư vấn đầu tư xây dựng và đầu tư Quảng Ngãi	Chi nhiệm vụ Khảo sát và lập báo cáo nghiên cứu đầu tư	4.407.000	4.407.000	0	4.407.000		0	
2	Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng 533	Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi	430.980.000	430.980.000	0	430.980.000	0	0	
3	Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng và đầu tư Quảng Ngãi	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát, thiết kế BVTC, TDT và dự toán gói thầu tư vấn	15.000.000	15.000.000	0	15.000.000	0	0	
4	Công ty TNHH TV ĐT XD Phúc Yên	Chi phí lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu tư vấn bước TKBVTC và tổng dự toán	8.205.600	8.205.600	0	8.205.600	0	0	
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 533	Chi phí khảo sát bước lập BVTC (khảo sát địa hình, thủy văn, địa chất)	2.314.357.000	2.255.495.000				58.862.000	
		Chi phí thiết kế bước lập BVTC					0		

STT	Đơn vị	Nội dung	Giá trị quyết toán	Số vốn đã thanh toán				Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
				Số vốn đã giải ngân	Thu hồi nộp ngân sách	Tổng cộng	Phải thu (-)	Phải trả (+)	
6	Công ty CP TV XD và ĐT Quảng Ngãi	Chi phí thẩm tra dự toán, tổng dự toán và thẩm tra thiết kế BVTC	213.690.000	195.540.000	0	195.540.000	0	18.150.000	
7	Công ty TNHH TVĐT XD Phúc Yên	Chi phí lập HSMT các gói thầu xây lắp	55.286.400	55.286.400	0	55.286.400	0	0	0
8	Công ty CP Tư vấn xây dựng và Đầu tư Quảng Ngãi	Chi phí giám sát thi công XD	2.087.411.000	1.921.709.000	0	1.921.709.000	0	165.702.000	
9	Liên doanh các nhà thầu Công ty CPTV XD công trình Thiên Phúc và Trung tâm Khoa học Công nghệ và Tư vấn Đầu tư	Chi phí kiểm định chất lượng công trình	442.600.000	435.257.000	0	435.257.000	0	7.343.000	
10	Công ty TNHH kỹ thuật Đo đạc Địa chính Quảng Ngãi	Chi phí đo vẽ bản đồ địa chính, cắm mốc lộ giới tỷ lệ 1/1000	25.000.000	25.000.000	0	25.000.000	0	0	0
11	Công ty CP Thông tin thẩm định giá Miền Trung	Chi phí thẩm định giá	47.012.000	47.012.000	0	47.012.000	0	0	0
12	Công ty TNHH DV và Công nghệ môi trường xanh	Chi phí lập, thẩm tra, thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.	7.946.000	7.946.000	0	7.946.000	0	0	0
13	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 533 và Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng và Tư vấn Kỹ thuật nền móng công trình.	Chi phí thí nghiệm cọc khoan nhồi	768.691.000	768.691.000	0	768.691.000	0	0	0
V		Chi phí khác	1.413.232.951	1.050.668.000	0	1.050.668.000	0	362.564.951	
1	Sở Giao thông vận tải	Lệ phí thẩm định dự án .	18.209.000	18.209.000	0	18.209.000	0	0	0

STT	Đơn vị	Nội dung	Giá trị quyết toán	Số vốn đã thanh toán				Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
				Số vốn đã giải ngân	Thu hồi nộp ngân sách	Tổng cộng	Phải thu (-)	Phải trả (+)	
2	Ban QL dự án Đầu tư XD và PTQĐ TP Q. Ngãi (Đã chỉ tiền thẩm định dự toán xây dựng tháo dỡ cầu cũ - cho Sở Giao Thông vận tải ngày/12/20218)	Chỉ thẩm định TKBVTC hạng mục CTGT	3.555.951	0	0	0	0	3.555.951	
3	Ban QL dự án Đầu tư XD và PTQĐ TP Q. Ngãi	Chỉ phí đánh giá HSĐT gói thầu tư TKBVTC và tổng dự toán	2.665.000	0	0	0	0	2.665.000	
4	Ban QL dự án Đầu tư XD và PTQĐ TP Q. Ngãi	Chỉ phí đánh giá HSĐT các gói thầu xây lắp	50.000.000	50.000.000	0	50.000.000	0	0	
5	Phòng Tài chính - Kế hoạch Thành phố	Chỉ phí thẩm định HSMT gói thầu tư vấn bước TKBVTC và tổng dự toán	1.332.000	1.332.000	0	1.332.000	0	0	
6	Phòng Tài chính - Kế hoạch Thành phố	Chỉ phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu tư vấn KS, lập TKBVTC và tổng dự toán	1.332.000	1.332.000	0	1.332.000	0	0	
7	Phòng Tài chính - Kế hoạch Thành phố	Chỉ phí thẩm định HSMT các gói thầu xây lắp	50.000.000	50.000.000	0	50.000.000	0	0	
8	Phòng Tài chính - Kế hoạch Thành phố	Chỉ phí thẩm định KQ đấu thầu các gói thầu xây lắp	50.000.000	0	0	0	0	50.000.000	
9	Phòng Tài chính - Kế hoạch Thành phố	Chỉ phí thẩm định HSMT các gói thầu tư vấn giám sát thi công, kiểm định chất lượng công trình, bảo hiểm công trình và kiểm toán	1.332.000	0	0	0	0	1.332.000	

STT	Đơn vị	Nội dung	Giá trị quyết toán	Số vốn đã thanh toán			Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
				Số vốn đã giải ngân	Thu hồi nộp ngân sách	Tổng cộng	Phải thu (-)	Phải trả (+)
10	Phòng Tài chính - Kế hoạch Thành phố	Chi phí thẩm định kết quả đấu thầu các gói thầu tư vấn giám sát thi công, kiểm định chất lượng công trình, bảo hiểm công trình và kiểm toán	1.935.000	0	0	0	0	1.935.000
11		Chi phí bảo hiểm công trình	740.796.000	740.796.000	0	740.796.000	0	0
	Công ty Bảo hiểm Hàng Không Quảng Ngãi		162.975.000	162.975.000	0	162.975.000	0	0
	Công ty Bảo Việt Quảng Ngãi		162.975.000	162.975.000	0	162.975.000	0	0
	Công ty Bảo hiểm PVI Nam Trung Bộ		162.975.000	162.975.000	0	162.975.000	0	0
	Công ty Bảo Minh Quảng Ngãi		251.871.000	251.871.000	0	251.871.000	0	0
12	Sở Tài chính Quảng Ngãi	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	232.079.000	0	0	0	0	232.079.000
13	Phòng Tài chính - Kế hoạch Thành phố	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán phần bồi thường	7.119.000	0	0	0	0	7.119.000
14	Trung tâm xử lý Bom mìn Quân Khu 5	Chi phí rà phá bom mìn, vật nổ	188.999.000	188.999.000	0	188.999.000	0	0
15	Công ty TNHH Một Thành viên Tư vấn và Xây dựng Thiên Hoàng	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu	63.879.000	0	0	0	0	63.879.000
VI	Tổng cộng		141.451.223.194	139.803.805.113	0	137.548.310.113	0	1.647.417.951